

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch Chứng khoán Tp.HCM

Công ty: Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

Trụ sở chính: Lô 6-8-10-12, Đường số 3, KCN Tân Tạo, Q Bình Tân, TPHCM

Điện thoại: (08) 37505555 – ext: 172

Fax: (08) 37505577

Người thực hiện công bố thông tin: Trần Phương Nga

Địa chỉ: Lô 6-8-10-12, Đường số 3, KCN Tân Tạo, Q Bình Tân, TPHCM

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0902468844

Fax: (08) 37505577

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ
(công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính riêng Công ty mẹ Quý 1 năm 2017;
- Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2017.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20/04/2017 tại đường dẫn <http://www.thienlonggroup.com/quan-he-co-dong> của công ty

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày 20 tháng 04 năm 2017

Người thực hiện công bố thông tin

(Ký, ghi rõ họ tên)



TRẦN PHƯƠNG NGÀ



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

Báo cáo tài chính riêng quý 1 năm 2017

Ngày 31 tháng 03 năm 2017



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Bảng cân đối kế toán riêng	3 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	6 - 7
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	8 - 33

TH
TẬP
CỔ
PHẦN

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103003187 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 14 tháng 3 năm 2005 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau:

<u>Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh:</u>	<u>Ngày</u>
Điều chỉnh lần 2	Ngày 6 tháng 04 năm 2007
Điều chỉnh lần 3	Ngày 15 tháng 10 năm 2007
Điều chỉnh lần 4	Ngày 28 tháng 03 năm 2008
Điều chỉnh lần 5	Ngày 5 tháng 07 năm 2011
Điều chỉnh lần 6	Ngày 11 tháng 08 năm 2011
Điều chỉnh lần 7	Ngày 18 tháng 12 năm 2012
Điều chỉnh lần 8	Ngày 23 tháng 09 năm 2013
Điều chỉnh lần 9	Ngày 21 tháng 11 năm 2013
Điều chỉnh lần 10	Ngày 30 tháng 01 năm 2015
Điều chỉnh lần 11	Ngày 31 tháng 07 năm 2015
Điều chỉnh lần 12	Ngày 21 tháng 03 năm 2016

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCK HCM”) với mã TLG theo Quyết định số 20/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 2 tháng 2 năm 2010.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh, đồ dùng dạy học bằng nhựa, hàng nhựa gia dụng, in ấn nhãn hiệu, in lụa và in ấn các loại bao bì và các sản phẩm.

Công ty có trụ sở chính đăng ký và nhà máy tại Lô 6-8-10-12, Đường số 3, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Cô Gia Thọ	Chủ tịch
Ông Trần Kim Thành	Phó Chủ tịch
Ông Trần Lệ Nguyên	Thành viên
Ông Huỳnh Văn Thiện	Thành viên
Bà Trần Thái Như	Thành viên
Bà Cô Ngân Bình	Thành viên
Bà Cô Cẩm Nguyệt	Thành viên
Ông Trần Văn Hùng	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Bích Ngà	Trưởng ban
Ông Lý Văn Dũ	Thành viên
Ông Tạ Hoàng Sơn	Thành viên

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đình Tâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Văn Hưởng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Nhật Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thượng Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Trung Hiệp	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Phương Nga	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Cô Gia Thọ.

30
TY
IÀN
ĐOÀ
N LI
/T.P

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31 tháng 03 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		637.959.467.029	642.135.334.850
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	317.398.767.681	353.383.432.488
111	1. Tiền		82.398.767.681	83.383.432.488
112	2. Các khoản tương đương tiền		235.000.000.000	270.000.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		118.754.331.073	73.974.174.183
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	107.793.316.953	68.678.023.525
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	8.044.878.241	2.224.859.021
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	2.916.135.879	3.071.291.637
140	III. Hàng tồn kho	7	193.510.021.646	207.562.225.629
141	1. Hàng tồn kho		207.325.748.844	221.377.952.827
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(13.815.727.198)	(13.815.727.198)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		8.296.346.629	7.215.502.550
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	7.562.313.617	6.075.832.616
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		728.705.408	1.134.342.330
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		5.327.604	5.327.604
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		394.674.170.906	398.372.199.853
210	I. Phải thu dài hạn		697.700.128	697.700.128
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	697.700.128	697.700.128
220	II. Tài sản cố định		200.960.893.559	208.076.006.237
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	114.215.858.537	120.046.092.156
222	Nguyên giá		358.186.406.455	357.637.787.053
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(243.970.547.918)	(237.591.694.897)
227	2. Tài sản vô hình	10	86.745.035.022	88.029.914.081
228	Nguyên giá		110.123.352.893	110.123.352.893
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(23.378.317.871)	(22.093.438.812)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		9.538.457.429	7.735.334.301
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	9.538.457.429	7.735.334.301
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	12	172.335.883.107	172.335.883.107
251	1. Đầu tư vào công ty con		152.500.000.000	152.500.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		30.685.000.000	30.685.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(10.849.116.893)	(10.849.116.893)
260	V. Tài sản dài hạn khác		11.141.236.683	9.527.276.080
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	1.526.228.106	803.875.316
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	25.3	9.615.008.577	8.723.400.764
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.032.633.637.935	1.040.507.534.703

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31 tháng 03 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		302.652.493.296	332.516.596.260
310	I. Nợ ngắn hạn		275.971.692.895	304.067.797.559
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	74.454.893.537	99.342.674.146
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.652.575.652	3.167.610.425
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	14.545.537.441	7.090.364.617
314	4. Phải trả người lao động		8.258.365.603	8.200.498.043
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	15.045.967.596	28.305.435.711
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	1.831.170.603	3.111.983.278
320	7. Vay ngắn hạn	17	156.327.003.021	136.674.809.016
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.856.179.442	18.174.422.323
330	II. Nợ dài hạn		26.680.800.401	28.448.798.701
338	1. Vay dài hạn	17	6.628.319.301	7.953.981.201
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	18	20.052.481.100	20.494.817.500
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	19	729.981.144.639	707.990.938.443
410	I. Vốn chủ sở hữu		729.981.144.639	707.990.938.443
411	1. Vốn cổ phần		383.126.720.000	383.126.720.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		383.126.720.000	383.126.720.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		128.217.023.000	128.217.023.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		97.075.895.498	97.075.895.498
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		121.561.506.141	99.571.299.945
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		87.177.504.826	1.800.199.619
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		34.384.001.315	97.771.100.326
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.032.633.637.935	1.040.507.534.703



Phạm Thị Giang
Người lập



Trần Phương Nga
Kế toán trưởng



Cô Gia Thọ
Chủ tịch

Ngày 20 tháng 4 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 1 năm 2017	Quý 1 năm 2016
01	1. Doanh thu bán hàng	20.1	250.422.132.537	233.609.268.225
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	(1.412.088.235)	(2.581.825.503)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	20.1	249.010.044.302	231.027.442.722
11	4. Giá vốn hàng bán		(159.576.087.947)	(138.583.681.976)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		89.433.956.355	92.443.760.746
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	3.467.893.820	3.606.793.028
22	7. Chi phí tài chính	21	(2.585.867.325)	(4.141.660.429)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(1.963.993.724)	(2.796.155.443)
25	8. Chi phí bán hàng	22	(13.748.972.192)	(10.536.544.351)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(34.160.610.864)	(31.278.493.091)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		42.406.399.794	50.093.855.903
31	11. Thu nhập khác	23	3.042.926.922	1.962.252.025
32	12. Chi phí khác	23	(150.788.968)	(2.235.595.415)
40	13. Lợi nhuận khác	23	2.892.137.954	(273.343.390)
50	14. Lợi nhuận kế toán trước thuế		45.298.537.748	49.820.512.513
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	(10.806.244.246)	(10.282.565.982)
52	16. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	25.3	891.607.813	(680.242.474)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		35.383.901.315	38.857.704.057

Phạm Thị Giang
Người lập

Trần Phương Nga
Kế toán trưởng

Cô Gia Thọ
Chủ tịch

Ngày 20 tháng 4 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 1 năm 2017	Quý 1 năm 2016
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		45.298.537.748	49.820.512.513
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định		8.347.611.415	7.331.264.447
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(3.160.955.109)	(3.433.965.781)
06	Chi phí lãi vay	21	1.963.993.724	2.796.155.443
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		52.449.187.778	56.513.966.622
09	Tăng các khoản phải thu		(44.933.960.657)	(32.430.031.101)
10	Giảm hàng tồn kho		14.052.203.983	3.208.457.603
11	Giảm các khoản phải trả		(37.239.441.359)	(11.473.641.849)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		(2.208.833.791)	1.535.494.090
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.863.941.910)	(2.841.719.723)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(6.323.679.478)	(7.591.459.730)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(28.592.478.000)	(11.557.386.965)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(54.660.943.434)	(4.636.321.053)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(3.448.225.926)	(60.540.070.917)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		363.636.364	869.457.370
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(5.000.000.000)
27	Tiền lãi và cổ tức được chia		3.472.689.959	3.425.161.488
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		388.100.397	(61.245.452.059)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		95.084.904.424	89.211.969.321
34	Tiền trả nợ gốc vay		(76.758.372.319)	(108.958.369.744)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(38.353.875)	(29.466.476.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		18.288.178.230	(49.212.876.923)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 1 năm 2017	Quý 1 năm 2016
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(35.984.664.807)	(115.094.650.035)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		353.383.432.488	392.910.555.920
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	317.398.767.681	277.815.905.885



Phạm Thị Giang
Người lập



Trần Phương Nga
Kế toán trưởng



Cô Gia Thọ
Chủ tịch

Ngày 20 tháng 4 năm 2017

580
C
T
P
T
H
M

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103003187 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 14 tháng 3 năm 2005 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau:

<u>Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh:</u>	<u>Ngày</u>
Điều chỉnh lần 2	Ngày 6 tháng 04 năm 2007
Điều chỉnh lần 3	Ngày 15 tháng 10 năm 2007
Điều chỉnh lần 4	Ngày 28 tháng 03 năm 2008
Điều chỉnh lần 5	Ngày 5 tháng 07 năm 2011
Điều chỉnh lần 6	Ngày 11 tháng 08 năm 2011
Điều chỉnh lần 7	Ngày 18 tháng 12 năm 2012
Điều chỉnh lần 8	Ngày 23 tháng 09 năm 2013
Điều chỉnh lần 9	Ngày 21 tháng 11 năm 2013
Điều chỉnh lần 10	Ngày 30 tháng 01 năm 2015
Điều chỉnh lần 11	Ngày 31 tháng 07 năm 2015
Điều chỉnh lần 12	Ngày 21 tháng 03 năm 2016

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCK HCM”) với mã TLG theo Quyết định số 20/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 2 tháng 2 năm 2010.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh, đồ dùng dạy học bằng nhựa, hàng nhựa gia dụng, in ấn nhãn hiệu, in lụa và in ấn các loại bao bì và các sản phẩm.

Công ty có trụ sở chính đăng ký và nhà máy tại Lô 6-8-10-12, Đường số 3, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 12.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

14/
 .ON
 .Ổ F
 .ÁP
 .HỆI
 .ÁN-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.4 Kỳ kế toán năm

Năm tài chính của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

48,
TY
HẠN
ĐOÀN
LỢI
P.H.C

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--|---|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa | - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ báo cáo.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ báo cáo. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

0-0-0
IG
CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản vô hình khi Tập đoàn nắm giữ đất này để sử dụng trong sản xuất, kinh doanh cung cấp dịch vụ hoặc cho các đối tượng khác thuê và Tập đoàn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng. Quyền sử dụng đất không được tính hao mòn khi có thời gian sử dụng vô thời hạn.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Quyền sử dụng đất không được tính hao mòn khi có thời gian sử dụng vô thời hạn.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	3 - 25 năm
Máy móc thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 7 năm
Khuôn	3 - 4 năm
Phần mềm máy tính	3 - 10 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	3 năm
Tài sản khác	3 năm

Định kỳ, thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định và tỷ lệ khấu hao được xem xét lại nhằm đảm bảo rằng phương pháp và thời gian trích khấu hao và hao mòn nhất quán với lợi ích kinh tế dự kiến sẽ thu được từ việc sử dụng tài sản cố định.

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí khi phát sinh.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ báo cáo theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.10 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Phần tăng lên trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Luật Lao động.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển
Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi
Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ báo cáo.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ báo cáo giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ báo cáo khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ báo cáo.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

91
CƠ
CỔ
ÁP
LIÊN
V-T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	31 tháng 03 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
Tiền mặt	651.735.879	614.831.647
Tiền gửi ngân hàng	81.747.031.802	82.768.600.841
Các khoản tương đương tiền	235.000.000.000	270.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>317.398.767.681</u>	<u>353.383.432.488</u>

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	31 tháng 03 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	68.557.374.500	45.076.346.912
Phải thu các bên khác	39.235.942.453	23.601.676.613
- Like link Co., LTD	5.372.196.804	-
- SQI GROUP INT'L. CORP	12.217.932.796	1.987.905.165
- Crayola LLC	7.844.689.196	7.258.385.128
- Khác	13.801.123.657	14.355.386.320
TỔNG CỘNG	<u>107.793.316.953</u>	<u>68.678.023.525</u>

Như được trình bày trong Thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp các khoản phải thu để đảm bảo các khoản vay ngân hàng.

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	31 tháng 03 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
Trả trước cho các bên khác	8.044.878.241	2.224.859.021
- Dokumental GmbH & Co. KG Schreibfarben	4.070.570.799	1.255.645.540
- Các bên khác	3.974.307.442	969.213.481
TỔNG CỘNG	<u>8.044.878.241</u>	<u>2.224.859.021</u>

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	31 tháng 03 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn		
Tạm ứng cho nhân viên	1.707.116.900	1.253.803.815
Ký quỹ, ký cược	281.292.990	497.637.392
Phải thu khác	927.725.989	1.319.850.430
	<u>2.916.135.879</u>	<u>3.071.291.637</u>
Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược	697.700.128	697.700.128
TỔNG CỘNG	<u>3.613.836.007</u>	<u>3.768.991.765</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

7. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	31 tháng 03 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
Nguyên vật liệu	119.285.538.198	118.429.880.953
Thành phẩm	45.741.277.533	49.788.938.671
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	30.321.153.239	29.376.181.697
Hàng mua đang đi trên đường	11.015.139.280	22.527.278.375
Công cụ, dụng cụ	600.164.073	860.999.652
Hàng hóa	362.476.521	394.673.479
TỔNG CỘNG	207.325.748.844	221.377.952.827
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(13.815.727.198)	(13.815.727.198)
GIÁ TRỊ THUẦN	193.510.021.646	207.562.225.629

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	31 tháng 03 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
Số đầu kỳ	(13.815.727.198)	(13.437.854.252)
Dự phòng trích lập trong kỳ	-	(7.585.086.689)
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	7.207.213.743
Số cuối kỳ	(13.815.727.198)	(13.815.727.198)

Như được trình bày trong Thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho để đảm bảo các khoản vay ngân hàng.

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	31 tháng 03 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn		
Chi phí quảng cáo và tiếp thị	5.826.009.655	5.272.184.485
Bảo trì hệ thống SAP	1.054.943.081	-
Bảo hiểm sức khỏe và tài sản và khác	295.433.881	464.238.130
Công cụ, dụng cụ	385.927.000	339.410.001
	<u>7.562.313.617</u>	<u>6.075.832.616</u>
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	1.252.267.181	803.875.316
Chi phí trả trước khác	273.960.925	-
	<u>1.526.228.106</u>	<u>803.875.316</u>
TỔNG CỘNG	9.088.541.723	6.879.707.932

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND					
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khuôn	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu kỳ	74.701.495.157	151.466.833.618	24.479.395.912	11.814.366.814	95.175.695.552	357.637.787.053
Mua trong kỳ	-	323.290.000	300.000.000	-	-	623.290.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	-	868.227.821	868.227.821
Thanh lý, nhượng bán	-	(201.940.637)	(444.575.066)	-	(296.382.716)	(942.898.419)
Số cuối kỳ	74.701.495.157	151.588.182.981	24.334.820.846	11.814.366.814	95.747.540.657	358.186.406.455
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết	273.767.397	82.257.963.037	6.196.781.573	6.599.969.739	78.297.903.528	173.626.385.274
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu kỳ	(26.173.436.668)	(105.233.861.393)	(12.512.847.021)	(8.844.225.643)	(84.827.324.172)	(237.591.694.897)
Khấu hao trong kỳ	(897.347.111)	(3.513.941.533)	(756.095.386)	(437.750.283)	(1.600.686.602)	(7.205.820.915)
Thanh lý, nhượng bán	-	160.452.815	444.575.066	-	221.940.013	826.967.894
Số cuối kỳ	(27.070.783.779)	(108.587.350.111)	(12.824.367.341)	(9.281.975.926)	(86.206.070.761)	(243.970.547.918)
Giá trị còn lại:						
Số đầu kỳ	48.528.058.489	46.232.972.225	11.966.548.891	2.970.141.171	10.348.371.380	120.046.092.156
Số cuối kỳ	47.630.711.378	43.000.832.870	11.510.453.505	2.532.390.888	9.541.469.896	114.215.858.537
<i>Trong đó:</i>						
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 17)	7.496.567.969	30.071.590.751	-	-	1.761.142.293	39.329.301.013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

10. TÀI SẢN VÔ HÌNH

					VND
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Bản quyền, bằng sáng chế	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu kỳ	69.735.975.067	39.904.399.426	367.000.000	115.978.400	110.123.352.893
Số cuối kỳ	<u>69.735.975.067</u>	<u>39.904.399.426</u>	<u>367.000.000</u>	<u>115.978.400</u>	<u>110.123.352.893</u>
Trong đó:					
Đã hao mòn hết	-	4.597.061.233	367.000.000	115.978.400	5.080.039.633
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số đầu kỳ	(1.175.864.496)	(20.434.595.916)	(367.000.000)	(115.978.400)	(22.093.438.812)
Hao mòn trong kỳ	-	(1.284.879.059)	-	-	(1.284.879.059)
Số cuối kỳ	<u>(1.175.864.496)</u>	<u>(21.719.474.975)</u>	<u>(367.000.000)</u>	<u>(115.978.400)</u>	<u>(23.378.317.871)</u>
Giá trị còn lại:					
Số đầu kỳ	<u>68.560.110.571</u>	<u>19.469.803.510</u>	-	-	<u>88.029.914.081</u>
Số cuối kỳ	<u>68.560.110.571</u>	<u>18.184.924.451</u>	-	-	<u>86.745.035.022</u>
Trong đó:					
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 17)	8.671.760.504	-	-	-	8.671.760.504

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	31 tháng 03 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
Khuôn đang chế tạo	5.761.557.161	5.287.403.431
Thiết bị đang lắp đặt	2.904.548.289	2.314.876.325
Xây dựng cơ bản	872.351.979	133.054.545
TỔNG CỘNG	9.538.457.429	7.735.334.301

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	31 tháng 03 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
Đầu tư vào công ty con (<i>Thuyết minh số 12.1</i>)	152.500.000.000	152.500.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (<i>Thuyết minh số 12.2</i>)	30.685.000.000	30.685.000.000
TỔNG CỘNG	183.185.000.000	183.185.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(10.849.116.893)	(10.849.116.893)
ĐẦU TƯ THUẦN	172.335.883.107	172.335.883.107

12.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

	31 tháng 03 năm 2017		31 tháng 12 năm 2016	
	%	Giá trị	%	Giá trị
	sở hữu	VND	sở hữu	VND
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thiên Long Long Thành	100	69.500.000.000	100	69.500.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Thiên Long Hoàn Cầu	100	40.000.000.000	100	40.000.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Nam	100	25.000.000.000	100	25.000.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Bắc	100	13.000.000.000	100	13.000.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Trung	100	5.000.000.000	100	5.000.000.000
TỔNG CỘNG		152.500.000.000		152.500.000.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thiên Long Long Thành ("TLLT") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 472031000036 do Ban Quản lý Khu Công nghiệp Đồng Nai cấp ngày 20 tháng 12 năm 2006. TLLT có trụ sở chính đăng ký tại Đường số 7, Khu Công nghiệp Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính của TLLT là sản xuất và kinh doanh văn phòng phẩm.

Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Thiên Long Hoàn Cầu ("TLG") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4104002492 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 1 năm 2007. TLG có trụ sở chính đăng ký tại Lô 6-8-10-12, Đường số 3, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của TLG là kinh doanh văn phòng phẩm.

Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Bắc ("TLN") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0105012605 do Sở KH&ĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 19 tháng 11 năm 2010. TLN có trụ sở chính đăng ký tại Phòng 309A, Tầng 3, Tòa nhà B15, Khu đô thị Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Hoạt động chính của TLN là kinh doanh văn phòng phẩm và thiết bị văn phòng.

Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Nam ("TLS") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0309489650 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 11 năm 2009. TLS có trụ sở chính đăng ký tại Số 19 – 21, Lô B, Đường Trường Sơn, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của TLS là kinh doanh văn phòng phẩm.

Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Trung ("TLM") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0401708745 do Sở KH&ĐT Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 1 tháng 12 năm 2015. Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lô 7 – Khu B1, Đường Hà Huy Tập, Phường Xuân Hà, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Hoạt động chính của TLM là kinh doanh văn phòng phẩm.

12.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	VND	
	31 tháng 03 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	30.685.000.000	30.685.000.000
Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn	<u>(10.849.116.893)</u>	<u>(10.849.116.893)</u>
ĐẦU TƯ THUẦN	<u>19.835.883.107</u>	<u>19.835.883.107</u>

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	31 tháng 03 năm 2017		31 tháng 12 năm 2016	
	Cổ phiếu	VND	Cổ phiếu	VND
Công ty Cổ phần Địa ốc Kinh Đô	200.000	25.000.000.000	200.000	25.000.000.000
Quỹ đầu tư Chứng khoán Sài Gòn A2	500.000	3.565.000.000	500.000	3.565.000.000
Công ty Cổ phần Chip Sáng	152.000	1.520.000.000	152.000	1.520.000.000
Công ty Cổ phần In số 7	75.000	<u>600.000.000</u>	75.000	<u>600.000.000</u>
TỔNG CỘNG		<u>30.685.000.000</u>		<u>30.685.000.000</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	VND	
	31 tháng 03 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
Phải trả các bên khác	60.206.121.646	87.491.490.024
- AUBEX CORPORATION	5.397.849.000	3.676.605.000
- Các bên khác	54.808.272.646	83.814.885.024
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	14.248.771.891	11.851.184.122
TỔNG CỘNG	74.454.893.537	99.342.674.146

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.470.615.510	10.806.244.246	(6.323.679.478)	9.953.180.278
Thuế GTGT	-	12.968.462.804	(8.898.987.231)	4.069.475.573
Thuế nhập khẩu	-	2.457.077.690	(2.457.077.690)	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.619.749.107	9.837.963.970	(10.934.831.487)	522.881.590
TỔNG CỘNG	7.090.364.617	36.069.748.710	(28.614.575.886)	14.545.537.441

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	31 tháng 03 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
Lương tháng 13&14	5.340.089.964	24.702.718.000
Chi phí bảo trì phần mềm SAP	-	1.377.071.993
Chi phí quảng cáo và tiếp thị	5.533.000.000	438.169.291
Chi phí lãi vay	377.869.825	277.818.011
Chi phí hoạt động văn phòng đại diện	456.218.221	-
Khác	3.338.789.586	1.509.658.416
TỔNG CỘNG	15.045.967.596	28.305.435.711

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	31 tháng 03 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
Kinh phí công đoàn	815.150.023	772.608.823
Cổ tức	42.344.100	80.697.975
Khác	973.676.480	2.258.676.480
TỔNG CỘNG	<u>1.831.170.603</u>	<u>3.111.983.278</u>

17. VAY

	VND	
	31 tháng 03 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn		
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 17.1)	151.925.291.680	131.372.161.416
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 17.2)	4.401.711.341	5.302.647.600
	<u>156.327.003.021</u>	<u>136.674.809.016</u>
Dài hạn		
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 17.2)	6.628.319.301	7.953.981.201
TỔNG CỘNG	<u>162.955.322.322</u>	<u>144.628.790.217</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG
 CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

17. VAY (tiếp theo)

17.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối kỳ	Nguyên tệ	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 5.1, 7, 9 và 10)
	VND	USD			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn	59.145.608.129	-	Từ ngày 24 tháng 4 năm 2017 đến ngày 20 tháng 8 năm 2017	5,20-6,00	Quyền sử dụng đất, nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc thiết bị và thiết bị văn phòng
Ngân hàng Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành viên HSBC Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	21.123.171.937	932.445	Từ ngày 14 tháng 4 năm 2017 đến ngày 25 tháng 7 năm 2017	1,80-2,10	Khoản phải thu, hàng tồn kho, nhà cửa và vật kiến trúc
	13.722.228.384	-	Từ ngày 5 tháng 4 năm 2017 đến ngày 25 tháng 7 năm 2017	4,00-5,20	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn	56.224.365.130	-	Từ ngày 7 tháng 4 năm 2017 đến ngày 28 tháng 9 năm 2017	5,00-5,20	Quyền sử dụng đất, nhà cửa và vật kiến trúc
Ngân hàng United Overseas Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	1.709.918.100	-	Ngày 13 tháng 4 năm 2017	5,25	Tín chấp
TỔNG CỘNG	151.925.291.680	932.445			

Công ty sử dụng tiền vay nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu vốn lưu động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

17. VAY (tiếp theo)

17.2 Vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối kỳ VND	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 8 và 9)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn	<u>11.030.030.642</u>	16 lần hàng quý từ ngày 25 tháng 9 năm 2015 đến ngày 25 tháng 9 năm 2019	9,00	Máy móc thiết bị

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả	4.401.711.341
Vay dài hạn	6.628.319.301

Công ty sử dụng tiền vay đáp ứng mục đích mua sắm và lắp đặt tài sản cố định.

18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn là trợ cấp thôi việc phải trả như được trình bày trong Thuyết minh số 3.11.

30 / 30
N
AI
LO
PV

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<i>VND</i>					
Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	294.714.640.000	128.217.023.000	78.290.097.498	168.604.446.240	669.826.206.738
Phát hành cổ phiếu	88.412.080.000	-	-	(88.412.080.000)	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	38.857.704.057	38.857.704.057
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(9.864.703.621)	(9.864.703.621)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(825.000.000)	(825.000.000)
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2016	<u>383.126.720.000</u>	<u>128.217.023.000</u>	<u>78.290.097.498</u>	<u>108.360.366.676</u>	<u>697.994.207.174</u>
Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	383.126.720.000	128.217.023.000	97.075.895.498	99.571.299.945	707.990.938.443
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	35.383.901.315	35.383.901.315
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(12.393.795.119)	(12.393.795.119)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(999.900.000)	(999.900.000)
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2017	<u>383.126.720.000</u>	<u>128.217.023.000</u>	<u>97.075.895.498</u>	<u>121.561.506.141</u>	<u>729.981.144.639</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	31 tháng 3 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu kỳ	383.126.720.000	294.714.640.000
Tăng trong kỳ	-	88.412.080.000
Số cuối kỳ	<u>383.126.720.000</u>	<u>383.126.720.000</u>
Cổ tức công bố		
Cổ tức thanh toán bằng tiền	-	(95.781.680.000)
Cổ tức đã trả bằng tiền	(38.353.875)	(125.206.631.250)

19.3 Vốn cổ phần

	31 tháng 3 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Cổ phiếu được phép phát hành	38.312.672	38.312.672
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	38.312.672	38.312.672
Cổ phiếu phổ thông	38.312.672	38.312.672
Cổ phiếu đang lưu hành	38.312.672	38.312.672
Cổ phiếu phổ thông	38.312.672	38.312.672

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng

	VND	
	Quý 1 năm 2017	Quý 1 năm 2016
Tổng doanh thu	250.422.132.537	233.609.268.225
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	240.535.029.141	229.985.741.559
Doanh thu bán hàng hóa	9.887.103.396	3.623.526.666
Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.412.088.235)	(2.581.825.503)
Trong đó:		
Thành phẩm bị trả lại	(1.411.922.419)	(2.452.986.471)
Hàng hóa bị trả lại	(165.816)	(128.839.032)
Doanh thu thuần	249.010.044.302	231.027.442.722
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	239.123.106.722	227.532.755.088
Doanh thu bán hàng hóa	9.886.937.580	3.494.687.634
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 26)	194.364.672.818	189.051.180.680
Doanh thu đối với bên khác	54.645.371.484	41.976.262.042

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

20. DOANH THU (tiếp theo)

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Quý 1 năm 2017	Quý 1 năm 2016
Lãi tiền gửi	2.695.273.290	2.954.647.599
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	675.120.530	554.645.429
Cổ tức	97.500.000	97.500.000
TỔNG CỘNG	<u>3.467.893.820</u>	<u>3.606.793.028</u>

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Quý 1 năm 2017	Quý 1 năm 2016
Lãi tiền vay	1.963.993.724	2.796.155.443
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	621.873.601	1.345.504.986
TỔNG CỘNG	<u>2.585.867.325</u>	<u>4.141.660.429</u>

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Quý 1 năm 2017	Quý 1 năm 2016
Chi phí bán hàng	13.748.972.192	10.536.544.351
- Chi phí tiếp thị	7.506.861.828	5.602.850.104
- Chi phí nhân viên	4.386.126.588	3.181.359.608
- Khác	1.855.983.776	1.752.334.639
Chi phí quản lý doanh nghiệp	34.160.610.864	31.278.493.091
- Chi phí nhân viên	24.276.721.011	21.447.950.660
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.389.646.804	3.767.267.534
- Chi phí khấu hao và hao mòn	3.132.884.632	3.023.899.127
- Khác	4.361.358.417	3.039.375.770
TỔNG CỘNG	<u>47.909.583.056</u>	<u>41.815.037.442</u>

23. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Quý 1 năm 2017	Quý 1 năm 2016
Thu nhập khác	3.042.926.922	1.962.252.025
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	368.181.819	381.818.182
Nhận bồi thường do hàng hư hỏng	54.294.549	278.109.828
Thu từ cho thuê	139.500.000	139.500.000
Khác	2.480.950.554	1.162.824.015
Chi phí khác	(150.788.968)	(2.235.595.415)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>2.892.137.954</u>	<u>(273.343.390)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Quý 1 năm 2017	Quý 1 năm 2016
Chi phí nguyên vật liệu	111.526.704.938	103.225.555.087
Chi phí nhân công	60.979.949.826	49.809.224.032
Chi phí khấu hao và hao mòn	8.347.611.415	7.331.264.447
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	24.100.088.818	26.075.201.805
TỔNG CỘNG	<u>204.954.354.997</u>	<u>186.441.245.371</u>

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty là 20% thu nhập chịu thuế

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

25.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Quý 1 năm 2017	Quý 1 năm 2016
Chi phí thuế TNDN hiện hành	9.953.180.278	9.876.820.128
Chi phí thuế TNDN trích thiếu kỳ trước	853.063.968	405.745.854
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	(891.607.813)	680.242.474
TỔNG CỘNG	<u>9.914.636.433</u>	<u>10.962.808.456</u>


 M.S.D.N.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

25.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	VNĐ	
	Quý 1 năm 2017	Quý 1 năm 2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	45.298.537.748	49.820.512.513
<i>Điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận theo kế toán</i>		
Các chi phí không được khấu trừ	1.234.667.432	3.062.300.497
Thay đổi chi phí trả trước ngắn hạn	(1.696.087.500)	(1.617.892.500)
Thay đổi dự phòng phải trả dài hạn	(442.336.400)	273.557.500
Thay đổi chi phí phải trả	5.321.082.813	(1.988.383.978)
Thay đổi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	147.537.300	(68.493.391)
Cổ tức nhận được	(97.500.000)	(97.500.000)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành	49.765.901.393	49.384.100.641
Thuế TNDN phải trả ước tính trong kỳ hiện hành	9.953.180.278	9.876.820.128
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	853.063.968	405.745.854
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	5.470.615.510	7.185.713.876
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(6.323.679.478)	(7.591.459.730)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	9.953.180.278	9.876.820.128

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>31 tháng 03 năm 2017</i>	<i>31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Quý 1 năm 2017</i>	<i>Quý 1 năm 2016</i>
Dự phòng phải trả dài hạn	4.010.496.220	4.098.963.500	(88.467.280)	54.711.500
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.763.145.440	2.763.145.440	-	-
Dự phòng các khoản đầu tư	1.056.856.047	831.287.477	225.568.570	-
Chi phí phải trả	1.729.196.503	664.979.940	1.064.216.563	(397.676.796)
Chi phí phân bổ	55.314.367	394.531.867	(339.217.500)	(323.578.500)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	(29.507.460)	29.507.460	(13.698.678)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	<u>9.615.008.577</u>	<u>8.723.400.764</u>		
(Chi phí) thu nhập thuế thu nhập hoãn lại			<u>891.607.813</u>	<u>(680.242.474)</u>

57
CƠ
CỔ
TÀI
HIỆ
TÂN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Quý 1 năm 2017</i>	<i>Quý 1 năm 2016</i>
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Thiên Long Hoàn Cầu	Công ty con	Bán thành phẩm	176.310.192.858	173.576.651.796
		Mua hàng hóa	66.297.756	102.984.226
		Phí sử dụng hệ thống SAP	127.140.000	127.140.000
		Cho thuê	90.000.000	90.000.000
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thiên Long Long Thành	Công ty con	Mua hàng hóa	8.885.452.670	2.245.926.870
		Bán nguyên vật liệu và thành phẩm	6.047.204.638	7.324.964.100
		Phí sử dụng hệ thống SAP	195.864.000	195.864.000
		Bán tài sản cố định	126.624.680	-
		Mua tài sản cố định	-	118.140.000
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Nam	Công ty con	Mua hàng hóa	4.900.098.568	10.043.689.926
		Bán thành phẩm	6.962.595.584	5.476.137.407
		Cho thuê	12.000.000	18.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Bắc	Công ty con	Bán thành phẩm	3.869.739.586	2.219.363.721
		Mua hàng hóa	18.000.000	-
		Cho thuê	18.000.000	18.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Trung	Công ty con	Bán thành phẩm	1.174.940.152	454.063.656
		Mua hàng hóa	11.120.454	-
		Cho thuê	6.000.000	-
		Góp vốn	-	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Long An Thịnh	Cổ đông lớn	Chi trả cổ tức	-	(15.455.354.000)
		Cổ phiếu thưởng	-	46.366.060.000

64
G
PH
ĐC
N I
-T.P

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

26. **NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Chi tiết các khoản thù lao và tiền thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát như sau:

	VND	
	Quý 1 năm 2017	Quý 1 năm 2016
Thù lao và các chi phí liên quan	999.900.000	825.000.000

Các khoản phải thu và phải trả tại ngày kết thúc kỳ báo cáo với các bên liên quan như sau:

			VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31 tháng 03 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
Phải thu ngắn hạn khách hàng				
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Thiên Long Hoàn Cầu	Công ty con	Bán thành phẩm	49.253.814.224	29.131.804.423
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Nam	Công ty con	Bán thành phẩm	7.582.102.791	5.675.488.243
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Bắc	Công ty con	Bán thành phẩm	3.550.620.115	4.757.885.119
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thiên Long Long Thành	Công ty con	Bán thành phẩm	7.006.552.650	4.365.254.244
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Trung	Công ty con	Bán thành phẩm	1.164.284.720	1.145.914.883
			68.557.374.500	45.076.346.912
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thiên Long Long Thành	Công ty con	Mua hàng hóa	13.044.528.597	9.497.913.832
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Bắc	Công ty con	Mua hàng hóa	19.800.000	-
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Trung	Công ty con	Mua hàng hóa	12.232.499	-
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Nam	Công ty con	Mua hàng hóa	985.684.065	2.239.605.157
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Thiên Long Hoàn Cầu	Công ty con	Mua hàng hóa	186.526.730	113.665.133
			14.248.771.891	11.851.184.122

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

27. CAM KẾT


Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê nhà kho theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ báo cáo, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:


	VND	
	Quý 1 năm 2017	Quý 1 năm 2016
Đến 1 năm	4.454.894.148	2.159.124.300
Từ 1 đến 5 năm	5.953.383.744	-
TỔNG CỘNG	10.408.277.892	2.159.124.300

28. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ BÁO CÁO

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ báo cáo yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng.



Phạm Thị Giang
Người lập



Trần Phương Nga
Kế toán trưởng



Cổ Gia Thọ
Chủ tịch

Ngày 20 tháng 4 năm 2017

